

Xếp hạng Chỉ số thịnh vượng năm 2009 VÀ CHỈ SỐ THỊNH VƯỢNG CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thái Hà

Chỉ số thịnh vượng do Viện nghiên cứu chính sách Legatum trụ sở tại Luân Đôn, Anh công bố năm 2007. Chỉ số thịnh vượng là một chỉ số tổng hợp, được tính toán và công bố dựa trên cơ sở số liệu thống kê và điều tra xã hội, đánh giá mọi mặt đời sống, kinh tế, chế độ chính trị và thể chế của các nước liên quan đến sự thịnh vượng. Ngoài ra còn có những phân tích, bình luận, lý giải về thứ hạng của một quốc gia thông qua các chỉ số thành phần.

Thực tế không có một chỉ số nào phản ánh đúng và đầy đủ hoàn toàn các khía cạnh liên quan đến sự thịnh vượng, tuy nhiên nó giúp cho việc so sánh đánh giá mỗi nước về những khía cạnh, lĩnh vực liên quan đến sự thịnh vượng, đồng thời cũng giúp các nước nhìn nhận đúng vị trí của nước mình so với các nước khác. Xem xét thứ hạng, các biến sử dụng để tính chỉ số thịnh vượng cũng như những phân tích, giải thích liên quan đến xếp hạng cao thấp của một nước cho thấy có nhiều điều thú vị.

Tham gia xếp hạng thịnh vượng năm 2009 có 104 nước, quy mô dân số của 104 nước này chiếm tới 90% dân số thế giới, điều này cho thấy phạm vi phản ánh của Chỉ số thịnh vượng gần như đã phủ kín toàn cầu. Để tính được Chỉ số thịnh vượng Legatum, người ta sử dụng 9 nhóm chỉ số thành phần, phản ánh các tiêu chí có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến sự thịnh vượng của một nước và đưa

ra những phân tích chủ yếu cho từng năm.

Xếp hạng chung, Việt Nam xếp thứ 77/104 nước (tăng 3 bậc so với năm 2008) về sự thịnh vượng, với thứ hạng của 9 nhóm chỉ số thành phần: Điều kiện kinh tế xếp thứ 47, Quản trị doanh nghiệp và Đổi mới (60), Thể chế dân chủ (97), Giáo dục (81), Sức khỏe (68), An toàn và An ninh xã hội (42), Điều hành quốc gia (75), Tự do cá nhân (80) và Nguồn vốn xã hội (63).

Bảng xếp hạng này cho thấy Việt Nam đã có những tiến bộ so với năm 2008. Điểm mạnh của Việt Nam là An toàn và An ninh xã hội, và Điều kiện kinh tế. Tuy nhiên có nhiều chỉ số thành phần của Việt Nam xếp thứ hạng rất thấp, gần cuối bảng, đó là các chỉ số thành phần về Thể chế dân chủ, Giáo dục, và Tự do cá nhân. Đây cũng là những vấn đề gọi mở cần quan tâm.

1. Các tiêu chí của Chỉ số thịnh vượng

Số liệu để tính Chỉ số thịnh vượng gồm có 79 biến khác nhau, nhóm thành 9 nhóm chỉ số thành phần. Các nước được tính điểm cho từng nhóm thành phần, và các mức xếp hạng thịnh vượng chung được tính bằng số trung bình giản đơn điểm số của 9 nhóm chỉ số thành phần của mỗi nước. Các nước có các chỉ số thành phần tốt được xếp hạng toàn diện hơn.

Chín nhóm thành phần của Chỉ số thịnh vượng gồm các vấn đề liên quan đến các tiêu chí đánh giá về: (1) Các điều kiện kinh tế, (2) Quản trị doanh

ngiệp và Đổi mới, (3) Thể chế dân chủ, (4) Giáo dục, (5) Sức khỏe, (6) An toàn và An ninh, (7) Điều hành quốc gia, (8) Tự do cá nhân, (9) Nguồn vốn xã hội. Dưới đây là các biến cụ thể của các tiêu chí đánh giá.

Các điều kiện kinh tế có 10 biến:

1. Mức trang bị vốn bình quân một lao động
2. Lãi suất ròng
3. Xuất khẩu so với nhập khẩu
4. Nợ không thực hiện
5. Lạm phát
6. Đầu tư trực tiếp nước ngoài
7. Tiêu dùng gia đình
8. Nguồn tích lũy trong nước
9. Thất nghiệp
10. Xuất khẩu nguyên liệu thô.

Quản trị doanh nghiệp và đổi mới có 10 biến:

1. Máy tính cá nhân
2. Máy chủ kết nối internet an toàn
3. Nghiên cứu và triển khai
4. Băng thông internet
5. Doanh thu từ tiền bản quyền
6. Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp dịch vụ
7. Xuất khẩu Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)
8. Xuất khẩu công nghệ cao
9. Doanh nghiệp đăng ký mới
10. Chi phí liên quan đến việc thành lập công ty.

Thể chế dân chủ có 6 biến:

1. Tự do công dân
2. Quyền chính trị
3. Mức độ dân chủ
4. Ổn định chế độ
5. Khó khăn về hành pháp

6. Quy định về lập pháp, hành pháp, và tư pháp

Giáo dục có 8 biến:

1. Tỷ lệ dự học cấp 2
2. Số năm đi học cấp 3 bình quân
3. Tỷ lệ giáo viên/học sinh
4. Tỷ lệ dự học cấp 3
5. Tỷ lệ dự học cấp 1
6. Chi phí cho giáo dục
7. Số năm đi học cấp 2 bình quân
8. Tỷ lệ giới tính của học sinh.

Sức khỏe có 11 biến:

1. HÀi lòng về sức khỏe
2. Mức độ nghỉ ngơi
3. Tỷ lệ chết sơ sinh
4. Cán bộ y tế
5. Điều kiện vệ sinh
6. Tuổi thọ
7. Suy dinh dưỡng
8. Số giường bệnh
9. Đau đớn về thể chất
10. Chất lượng nước
11. Vấn đề sức khỏe.

An toàn và An ninh có 9 biến:

1. An toàn thể chất
2. Khủng bố chính trị và bạo lực
3. Người buộc phải rời khỏi nơi sinh sống
4. Người tỵ nạn
5. Người bỏ trốn
6. Ám sát
7. Thương vong do chiến tranh
8. Tự tử
9. Trộm cướp.

Điều hành quốc gia có 9 biến:

1. Hiệu quả quản lý
2. Pháp quyền

3. Đăng ký kinh doanh
4. Tham gia chính trị
5. Mức độ tin tưởng vào hệ thống tư pháp
6. Mức độ tin tưởng vào bầu cử
7. Tham nhũng trong doanh nghiệp
8. Mức độ tin tưởng vào lực lượng quân đội
9. Tham nhũng trong chính phủ.

Tự do cá nhân có 4 biến:

1. Bằng lòng với tự do lựa chọn
2. Tự do về ngôn luận, vận động và tín ngưỡng
3. Mức độ khoan dung đối với người nhập cư
4. Mức độ khoan dung đối với các nhóm dân tộc ít người.

Nguồn vốn xã hội có 12 biến:

1. Tin cậy vào người khác
2. Vai trò quan trọng của bạn bè
3. Tín nhiệm đối với người khác
4. Thành viên của các tổ chức nghệ thuật
5. Thành viên của các tổ chức thể thao
6. Thành viên của các tổ chức tôn giáo
7. Thành viên của tổ chức môi trường
8. Tài trợ
9. Vai trò quan trọng của tôn giáo
10. Giúp đỡ người không quen biết
11. Tình trạng kết hôn
12. Hoạt động tự nguyện.

II. Bảng Xếp hạng Chỉ số thịnh vượng năm 2009

Năm 2009 là năm thứ ba liên tiếp Viện nghiên cứu chính sách Legatum công bố Bảng xếp hạng Chỉ số thịnh vượng của các nước, có 104 quốc gia được xếp hạng. Việc xếp hạng được dựa trên cơ sở xác định thịnh vượng là sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với các thước đo hạnh phúc và chất

lượng cuộc sống.

Theo kết quả xếp hạng, Phần Lan là quốc gia thịnh vượng nhất thế giới (năm 2008 xếp thứ 3). Ngoài Phần Lan, ở khu vực Bắc Âu còn có 3 nước khác đứng ở top 5 nước có Chỉ số thịnh vượng cao là Thụy Điển (xếp thứ 3), Đan Mạch (xếp thứ 4) và Na Uy (xếp thứ 5). Liên bang Thụy Sĩ nằm ở Trung Âu xếp vị trí thứ 2. Mỹ xếp vị trí thứ 9, trên các nước châu Âu như Anh (xếp thứ 12), Đức (xếp thứ 14), Pháp (xếp thứ 17), và đây vẫn là các nước có thứ hạng cao trong 20 nước đứng đầu.

Việt Nam xếp vị trí 77, tăng 3 bậc so với năm 2008, đứng sau Trung Quốc và Kazakhstan. Ba quốc gia đứng cuối bảng là Yemen (xếp thứ 102), Sudan (xếp thứ 103) và Zimbabwe (xếp thứ 104).

Tiến sĩ William Inboden, Phó chủ tịch Viện

10 nước đứng đầu và 10 nước đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số thịnh vượng Legatum năm 2009

10 nước đứng đầu		10 nước đứng cuối	
Thứ hạng	Tên nước	Thứ hạng	Tên nước
1	Phần Lan	95	Kênya
2	Thụy Sĩ	96	Algieri
3	Thụy Điển	97	Tanzania
4	Đan Mạch	98	Nigiê
5	Na Uy	99	Pakistan
6	Úc	100	Camơrun
7	Canada	101	CH Trung phi
8	Hà Lan	102	Yemen
9	Mỹ	103	Sudan
10	New Zealand	104	Zimbabwe

⁽¹⁾ Legatum Prosperity Index

nghiên cứu chính sách Legatum khẳng định “Chỉ số thịnh vượng Legatum⁽¹⁾ là Bảng chỉ số duy nhất đánh giá toàn cầu về thịnh vượng và hạnh phúc. Kết quả xếp hạng năm 2009 một lần nữa chứng tỏ châu Âu là khu vực tập trung nhiều quốc gia thịnh vượng nhất thế giới, nhờ vào sự kết hợp đầy ấn tượng giữa phát triển kinh tế và chất lượng sống tốt”.

Sau một năm thay đổi bất thường về khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có hai vấn đề đặt ra, đó là tình trạng giàu có và sự thịnh vượng, và tìm ra các quốc gia thịnh vượng trên thế giới (không nhất thiết phải là nước chỉ có GDP cao) là các quốc gia hạnh phúc, người dân khỏe mạnh và tự do.

III. Kết quả chủ yếu

Việc tính Chỉ số thịnh vượng không chỉ cho biết thứ hạng của các nước về sự thịnh vượng, mà còn cho biết sự thịnh vượng ấy được tạo ra như thế nào. Dưới đây là 10 kết quả chủ yếu của Chỉ số thịnh vượng năm 2009:

1. Các nước thịnh vượng mạnh hơn theo hướng toàn diện

Các nước thịnh vượng có chỉ số đứng đầu thực hiện tốt cả ở 9 chín chỉ số thành phần, chứng tỏ rằng các chỉ số có mối quan hệ chặt chẽ, củng cố cho nhau, tạo cơ sở cho sự thịnh vượng.

2. Các chủ doanh nghiệp vi mô cần có các chính sách kinh tế vĩ mô tốt

Trong xã hội, đổi mới và quản trị doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với các điều kiện kinh tế hơn bất kỳ một yếu tố nào khác. Các chủ doanh nghiệp có tham vọng thường bị hạn chế, không có cơ hội phát triển nếu kinh tế của quốc gia không mạnh về thực chất.

3. Tự do không thể chia được

Trong khi một số quốc gia đang tìm kiếm để cho phép một khía cạnh tự do, thì lại hạn chế các khía cạnh tự do khác. Các quốc gia thịnh vượng tôn

Xếp hạng thịnh vượng của các nước Châu Á - Thái Bình Dương

Nước	Xếp hạng	Nước	Xếp hạng
Úc	6	Philippin	55
New Zealand	10	Sri Lanka	58
Nhật Bản	16	Indonesia	61
Hồng Kông	18	Trung Quốc	75
Singapore	23	Kazakhstan	76
Đài Loan	24	Việt Nam	77
Hàn Quốc	26	Bangladesh	87
Mayaysia	39	Nê Pan	90
Thái Lan	44	Uzbekistan	92
Ấn Độ	45	Campuchia	93
Mông Cổ	50	Pakistan	99

trọng tự do trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị tôn giáo và con người.

4. Hiện tại - thịnh vượng tập trung ở khu vực Bắc Đại Tây Dương

Hiện có tới 10 trong số 20 nước thịnh vượng nhất của bảng xếp hạng đều thuộc về khu vực Bắc Mỹ và Châu Âu.

5. Lịch sử không phải là định mệnh

Các quốc gia xếp thứ hạng cao, bao gồm các nước có lịch sử phát triển kinh tế lâu dài và hiệu quả, điều hành quốc gia tốt, và sử dụng nguồn vốn xã hội hiệu quả. Tuy nhiên cũng có một số nước xếp thứ hạng tương đối cao nhưng trước đây không lâu gặp khó khăn do nghèo đói, áp bức và đau khổ.

6. Điều hành xã hội tốt là yếu tố quyết định sự hài lòng về cuộc sống và tiến bộ kinh tế

Các nước điều hành xã hội tốt tạo điều kiện đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công dân cũng thường

có các điều kiện kinh tế mạnh nhất và quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

7. *Thịnh vượng đồng nghĩa với sự an toàn*

Cả hai chức năng an toàn và an ninh đều là nguyên nhân và kết quả tác động của đến sự thịnh vượng chung của một quốc gia. Một quốc gia an toàn tạo khả năng cho người dân phát triển khỏe mạnh, không lo bị tấn công hay làm hại, công dân khá giả sẽ cung cấp các nguồn tài chính và nguồn vốn xã hội để duy trì sự an toàn và an ninh xã hội.

8. *Hạnh phúc là... cơ hội, sức khỏe tốt, các mối quan hệ, và tự do lựa chọn những gì con người mong muốn*

Mức độ bằng lòng với cuộc sống cao nhất thuộc về các quốc gia có điểm số tốt nhất trong các lĩnh vực sức khỏe, an toàn, tự do con người và nguồn vốn xã hội.

9. *Cộng đồng xã hội mạnh tốt hơn điều hành quốc gia yếu*

Một số nước điều hành kém hiệu quả vẫn có điểm số tốt về nguồn vốn xã hội, điều này chứng

tỏ rằng mạng lưới gia đình vững mạnh, bạn bè tốt có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trách nhiệm quốc gia.

10. *Sự thật là tiền không mua được hạnh phúc...trừ những người nghèo*

Chỉ ở các nước nghèo thì việc tăng thu nhập mới có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ bằng lòng với cuộc sống của người dân.

IV. **Xếp hạng Chỉ số thịnh vượng của Việt Nam**

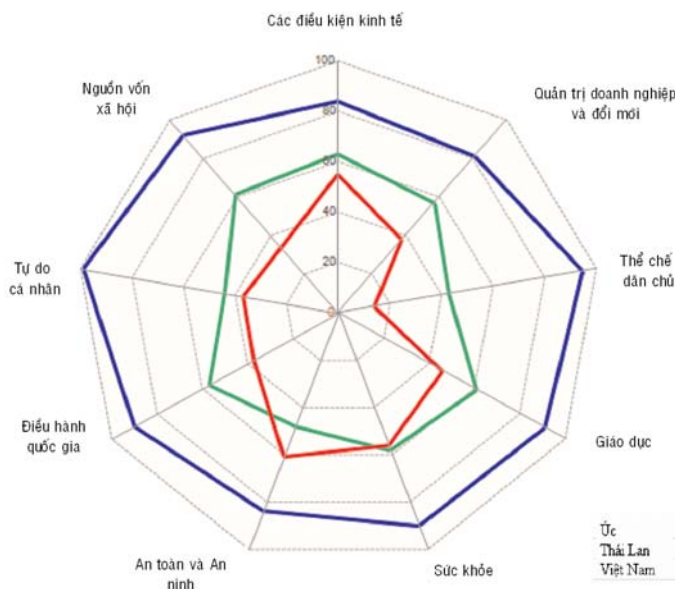
1. **Điều kiện kinh tế - Xếp thứ 47/104**

Việt Nam là nước tỷ lệ có việc làm cao, nhưng nhiều người lao động không có đủ khả năng tiếp cận nguồn vốn vật chất. Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam ở mức thấp nhất thế giới, chỉ ở mức trên 2%, tuy nhiên lực lượng lao động được tiếp cận vốn vật chất ở mức độ thấp, hạn chế năng suất lao động. Mặc dù tỷ lệ tiết kiệm trong nước ở mức cao, 28% và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam ở mức 10% GDP của Việt Nam. Tỷ lệ lạm phát ở mức cao, 8%, đứng thứ 3 từ dưới lên. Khu vực ngân hàng có hiệu quả rất đáng ngạc nhiên, với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên nằm trong số 20 nước thấp nhất thế giới, chỉ ở mức hơn 2 điểm phần trăm. Chi tiêu của các hộ gia đình ở mức bình quân toàn cầu, 1/4 GDP. Việt Nam dựa vào xuất khẩu nguyên liệu thô tương đối thấp và phạm vi liên quan đến tỷ lệ thương mại hàng hóa tương đối mạnh, xếp thứ 27 về biến này.

2. **Quản trị doanh nghiệp và Đổi mới - Xếp thứ 60/104**

Việt Nam có thể khuyến khích quản trị doanh nghiệp và đổi mới bằng việc tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Để thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam phải qua 11 bước, đã tạo

Hình 1. Các chỉ số thành phần về sự thịnh vượng của Úc, Thái Lan và Việt Nam



ra một số rào cản cho việc tham gia của các chủ doanh nghiệp. Khu vực dịch vụ của Việt Nam phát triển chậm, giá trị tăng thêm của khu vực này chỉ chiếm 38% GDP. Liên quan đến cơ sở hạ tầng internet được đo lường bằng băng thông, Việt Nam ở mức trên mức trung bình của toàn cầu, nhưng là nước có rất ít máy chủ an toàn. Khả năng tiếp cận máy tính cá nhân cũng tương đối thấp, chỉ có 10 máy tính bình quân 100 người. Cho đến nay, Việt Nam đã thành công ở mức độ nhất định về đầu tư cho việc đổi mới, xuất khẩu công nghệ thông tin (5%) và xuất khẩu hàng hóa chất lượng cao (6%), xếp thứ 31 và 53 tương ứng. Tuy đầu tư cho nghiên cứu và triển khai của Việt Nam ở mức thấp 0,6% GDP, nhưng cũng ở mức trên trung bình toàn cầu.

3. Thể chế dân chủ - Xếp thứ 97

Tiến trình dân chủ ở Việt Nam gần như không tồn tại, có một đảng chi phối cả ngành lập pháp và hành pháp, công dân Việt Nam có rất ít quyền về chính trị và quyền tự do công dân. Việt Nam được phân loại theo chế độ chuyên quyền, với rất ít thể chế dân chủ. Có một số ép buộc về quyền hành pháp ở Việt Nam. Chỉ có một đảng cầm quyền trong ngành hành pháp, và các quá trình bầu cử đã có trước đây chưa được điều chỉnh phù hợp. Ngoài ra, cơ quan lập pháp Việt Nam chỉ có một đảng, và hệ thống tòa án phụ thuộc vào ngành hành pháp của chính phủ. Chế độ của Việt Nam tương đối ổn định, đã có sự thay đổi quan trọng về hệ thống chính trị diễn ra hơn 50 năm trước đây.

4. Giáo dục - Xếp thứ 81/104

Thiếu sự bền bỉ ở các cấp học cao, phân biệt giới còn phổ biến trong việc đi học, dường như đây là vấn đề cấp thiết nhất trong các nhà trường Việt Nam tỷ lệ đi học tiểu học ở Việt Nam trên mức trung bình của toàn cầu, với 95% trẻ trong độ tuổi tham gia. Chỉ có 93 em gái trên 100 em trai đi học, cho thấy bất bình đẳng còn phổ biến và xếp hạng của Việt Nam nằm ở mức cuối của ngũ phân vị.

Trung bình có 1 giáo viên cho 21 học sinh tiểu học, ở mức trung bình toàn cầu, nhưng tỷ lệ tham gia trung học cơ sở và trung học phổ thông đều ở mức dưới cùng của tứ phân vị. Trung bình một công nhân chỉ có 5,1 năm học trung học cơ sở, và 3,1 năm học phổ thông trung học.

5. Sức khỏe - Xếp thứ 68

Mặc dù được tiếp cận về chăm sóc y tế ở mức thấp, nhưng số lượng người Việt Nam trả lời bị đau yếu lại ở mức thấp nhất thế giới tính bình quân Việt Nam có 6 cán bộ y tế và 26 giường bệnh trên 10.000 dân. Mặc dù tuổi thọ bình quân đã được điều chỉnh ở mức cao 61 năm, thì vẫn có 16% dân số thiếu ăn, và chỉ có 65% dân số được đảm bảo các điều kiện vệ sinh. Tỷ lệ chết trẻ sơ sinh ở mức trung bình toàn cầu, 16‰ (*). Số lượng người bằng lòng với tình trạng sức khỏe của Việt Nam ở mức trung bình của thế giới. Tuy có hơn một phần tư người dân trả lời có các vấn đề về sức khỏe, nhưng gần 3/4 số người trả lời cảm thấy hài lòng về sức khỏe, xếp thứ 20 thế giới, và chỉ có 9% (*) người trả lời họ bị đau ốm về thể xác, đây là mức thấp nhất thế giới.

6. An toàn và An ninh - Xếp thứ 42/104

Việt Nam có một số vấn đề về an ninh trong nước, tuy nhiên tỷ lệ tội phạm thấp Việt Nam xếp ở mức trung bình toàn cầu về các biến an ninh quốc gia, trong đó có các vấn đề liên quan đến người tị nạn, các nhóm bị phân biệt đối xử trong lịch sử, người chốn chạy, tương đương với số lượng trí thức tài giỏi nhất trong nước tìm việc làm ở nơi khác. Báo cáo chỉ ra rằng thực tế các quan quyền lực Việt Nam đã tham gia vào việc tống giam hoặc tra tấn, xếp hạng dưới mức trung bình của toàn cầu về biến nghiên cứu này. Tỷ lệ tội phạm trong nước tương đối thấp: giết người xếp thứ 35 trên thế giới, ở mức dưới 2,5 người trên 100 nghìn dân. Tỷ lệ trộm cắp và hành hung thấp so với chuẩn quốc tế, có 10% người trả lời bị trộm

cấp tài sản trong năm 2008 và 4% (*) người trả lời bị hành hung. Điều này khiến cho mức tỷ lệ cao, có tới 78% (*) dân số cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình trong đêm.

7. Điều hành quốc gia - Xếp thứ 75/104

Hầu hết người dân Việt Nam tin tưởng vào quân đội và hệ thống tòa án, nhưng có khoảng 7 trong số 10 người tin rằng chính quyền địa phương và các doanh nghiệp tham nhũng với tỷ lệ rất cao, tới 97% (*) công dân Việt Nam tin tưởng vào lực lượng quân đội của đất nước, đây là tỷ lệ cao nhất toàn cầu. Tuy nhiên ở Việt Nam, nguyên tắc tối thượng của luật pháp tương đối kém và hiệu lực thực hiện không đồng đều, trong khi đó chất lượng của các quy định thương mại và nền kinh tế thuộc tứ phân vị thấp nhất thế giới. Chế độ quan liêu của đất nước khiến cho việc điều hành ít hiệu quả. Quyền tự quyết thông qua bầu cử tự do và công bằng không có ở Việt Nam; Mặc dù vậy có tới 87% (*) công dân Việt Nam tin tưởng vào sự trung thực của quá trình bầu cử của đất nước, đây là một trong những nước có tỷ lệ cao nhất, xếp ở mức thứ 7 trên thế giới. Tỷ lệ chấp nhận hệ thống tòa án cũng rất cao, ở mức 88% (*) dân số, là nước xếp thứ 5 toàn cầu. Dù có tới 73% và 79% (*) người trả lời tin rằng chính quyền địa phương và các doanh nghiệp tham nhũng, thì các mức tỷ lệ này xếp Việt Nam ở mức trung bình của quốc tế, với các vị trí 32 và 42 tương ứng.

8. Tự do cá nhân - Xếp thứ 80

Mặc dù ít tự do cá nhân, song công dân Việt Nam bằng lòng với mức độ lựa chọn về cuộc sống của họ. Công dân Việt Nam không được tự do sử dụng và hành nghề theo tín ngưỡng tôn giáo của họ, phát biểu thẳng thắn mà không sợ cơ quan kiểm duyệt, tự do đi lại trong và ngoài nước của họ, nhưng có tới 90% (*) người dân bằng lòng với tự do lựa chọn cuộc sống hàng ngày của họ, xếp thứ 16 trên thế giới về tiêu chí này. Lòng khoan

dung đối với các nhóm dân tộc thiểu số thấp, chỉ có 58% dân số cho rằng hàng xóm của họ phù hợp với các dân tộc thiểu số như vậy, tuy nhiên lòng khoan dung với những người nhập cư ở mức cao hơn, với tỷ lệ 71%, xếp thứ 40 của thế giới.

9. Nguồn vốn xã hội - Xếp thứ 63

Hơn nửa số người Việt Nam trả lời họ tin tưởng vào đồng bào của họ, xếp thứ 10 trên thế giới, trong khi đó có 85% người trả lời khi buồn chán hoặc thất vọng họ dựa vào bạn bè và gia đình. Hơn nửa số người Việt Nam trả lời họ đã giúp đỡ người khác trong cùng thời gian, xếp đứng thứ 30. Số hội viên câu lạc bộ ở Việt Nam tương đối thấp, số lượng thành viên các nhóm tôn giáo, thể thao, và nghệ thuật ở dưới mức trung bình của toàn cầu. Một phần ba số người trả lời có đóng góp tiền để làm từ thiện trong tháng qua, trong khi đó chỉ có 16% người trả lời có tham gia các hoạt động tình nguyện, xếp thứ 44 và 66 tương ứng về các biến này. ■

(*) Số liệu từ Điều tra dư luận của Viện Gallup World Poll

Nguồn:

- *What is prosperity, and how is it achieved* (<http://www.prosperity.com/summary.aspx>)
- *2009 Legatum Prosperity Index – Fact Sheet* (<http://www.prosperity.com/downloads/2009LegatumProsperityIndexFactsheet.pdf>)
- *Key Findings* (<http://www.prosperity.com/findings.aspx>)
- *The 2009 Legatum Prosperity Index Table Rankings* (<http://www.prosperity.com/rankings.aspx>)
- <http://www.prosperity.com/country.aspx?id=VM>